

Thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ vị thành niên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Trương Quang Lâm*, Lương Bích Thủy**

Nhận ngày 19 tháng 2 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 7 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết này¹ chỉ ra thực trạng phụ huynh hóa trên 270 trẻ vị thành niên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, độ tuổi từ 11, 12 tuổi đến 15, 16 tuổi. Trẻ tham gia trả lời bằng phiếu hỏi, với Bảng kiểm Phụ huynh hóa và các câu hỏi nhân khẩu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, Trẻ trải qua Phụ huynh hóa trong vai trò làm cha mẹ và trong vai trò chăm sóc anh chị em ở mức trung bình và nhận thức về lợi ích Phụ huynh hóa ở mức khá. Có sự khác biệt về mức độ Phụ huynh hóa giữa các nhóm trẻ theo nhóm dân tộc, theo số lượng anh chị em, và theo trình độ học vấn của cha và mẹ. Những phát hiện này gợi mở những hỗ trợ tâm lý phù hợp cho trẻ em khi trải qua Phụ huynh hóa.

Từ khóa: Phụ huynh hóa, gia đình, Trẻ vị thành niên, hỗ trợ tâm lý.

Phân loại ngành: Tâm lý học

Abstract: This study aims to examine the prevalence of parentification among 270 adolescents in Bắc Kạn province, aged between 11-12 and 15-16 years old. The participants responded to a questionnaire, which included the Parentification Inventory and demographic questions. The findings indicate that the parent-focus parentification and the sibling-focus parentification at an average level and perceived the benefits of parentification at a fair level. There were differences in the level of parentification among groups of children by ethnic group, by number of siblings, and by the educational level of the father and mother. The results suggest the need for appropriate psychological support for children experiencing parentification.

Keywords: Parentification, family, adolescence, psychological support.

Subject classification: Psychology

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “phụ huynh hóa” (*parentification*) lần đầu tiên được chính thức nghiên cứu chuyên sâu bởi các tác giả Boszormenyi-Nagy và Spark (1973). Nhiều nghiên cứu chỉ ra, thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ em thường xảy ra trong các gia đình mà cha mẹ khó khăn về kinh tế, có vị thế kinh tế - xã hội thấp, hoặc cha mẹ đối mặt với khủng hoảng kinh tế, cha mẹ bị bệnh tật về thể chất hoặc bệnh về sức khỏe tâm thần (Hooper, 2007; Schier và cộng sự, 2014; Chen & Panebianco, 2020). Theo đó, khái niệm phụ huynh hóa được hiểu là sự đảo ngược vai trò giữa cha mẹ và trẻ em trong gia đình: trẻ phải đảm nhận những trách nhiệm của cha mẹ như giặt giũ, nấu ăn, chăm sóc em nhỏ (phụ huynh hóa về công cụ - *instrumental parentification*) và trẻ em trong vai trò là người hỗ trợ cha mẹ về tâm lý (phụ huynh hóa về cảm xúc - *emotional parentification*) (Byng-Hall, 2002 & 2008; Schier và cộng sự, 2014), những nhiệm vụ này được cho là vượt quá khả năng về thể chất và tâm lý của trẻ.

*** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: lamtq.psy@gmail.com

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài: Thực trạng và mức độ phụ huynh hóa ở trẻ vị thành niên sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn; Mã số 504.05-2023.01; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chủ trì; TS. Trương Quang Lâm làm chủ nhiệm.

Nhìn chung, hiện tượng phụ huynh hóa thường xảy ra với trẻ ở độ tuổi đi học và có thể kéo dài suốt cuộc đời (Macfie và cộng sự, 2005). Quá trình này thường được nhìn nhận là tích cực khi trẻ em thực hiện công việc nhà hoặc hỗ trợ tinh thần cho cha mẹ, và cũng được đánh giá là lành mạnh cho trẻ em, giúp trẻ nhận ra tiềm năng của bản thân khi thực hiện một số công việc trong vai trò của người lớn (Boszormenyi-Nagy & Spark, 1973). Do đó, trẻ giúp đỡ việc nhà cho cha mẹ hoặc chăm sóc các thành viên trong gia đình là những cách phổ biến mà trẻ em học cách đảm nhận vai trò của người lớn (Wei và cộng sự, 2020). Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp trẻ em phải gánh các trách nhiệm gia đình và trở nên quá áp lực, hoặc khi trẻ cảm thấy bắt buộc phải đảm nhận vị trí của người lớn để duy trì sự cân bằng trong hệ thống gia đình, thì việc trải qua phụ huynh hóa có thể gây ra những hậu quả tâm lý ở trẻ em (Hooper, 2007). Vì phải tập trung vào trách nhiệm gia đình, trẻ em bị phụ huynh hóa thường có ít thời gian hơn cho việc học tập, vui chơi, hoặc phát triển các kỹ năng cá nhân (Hooper và cộng sự, 2011).

Qua nhiều nghiên cứu khác nhau, các tác giả chỉ ra rằng, quá trình phụ huynh hóa xảy ra càng sớm trong cuộc đời của một đứa trẻ thì hậu quả càng nghiêm trọng đối với trẻ em (ví dụ: bất lợi, tổn thương hoặc lâu dài, trẻ em bị đánh mất tuổi thơ...) (Jurkovic, 1997; Schier và cộng sự, 2014). Trên thực tế, trẻ em trải qua phụ huynh hóa thường được mô tả là trẻ vị thành niên trưởng thành vì bên ngoài những đứa trẻ này có vẻ là người có năng lực, có tổ chức, cứng rắn và tháo vát (Chee và cộng sự, 2014; Garber, 2011). Những người trẻ trưởng thành sớm thường trải qua mức độ căng thẳng và căng thẳng tâm lý cao hơn khi họ phải vật lộn để đương đầu với gánh nặng trách nhiệm gia đình (Foster & Hunsley, 2008). Bất kể biểu hiện trưởng thành là gì, trẻ em và thanh thiếu niên bị phụ huynh hóa cần được xác định và hỗ trợ vì trẻ có nguy cơ gặp khó khăn suốt đời.

Tại Việt Nam, ở những vùng có điều kiện khó khăn, trẻ em sống trong gia đình phải trải qua nhiều thiếu thốn về vật chất, thiếu sự chăm sóc của cha mẹ và chất lượng cuộc sống không được đảm bảo. Trẻ em trải qua tình trạng phụ huynh hóa từ sớm phải đảm nhận nhiều vai trò của cha mẹ trong gia đình. Ở góc độ tích cực, văn hóa truyền thống của Việt Nam nhấn mạnh đến lòng hiếu thảo và trách nhiệm của trẻ em khi giúp đỡ cha mẹ làm các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, ở góc độ khác, với những trẻ phải đảm nhận các việc quá sức và trong thời gian dài, chính điều này lại ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ và bị mất đi cơ hội phát triển tương lai. Đã có một số nghiên cứu của các tác giả trong nước chỉ ra các vấn đề về tâm lý của trẻ em trong những hoàn cảnh khó khăn như cha mẹ đi làm ăn xa, trẻ em trong gia đình nghèo đói sống ở những vùng trải qua biến đổi khí hậu (Trần Thị Minh Thi, 2015; Nguyễn Văn Lược, 2017; Nguyễn Tuấn Anh, 2021; Trương Quang Lâm và cộng sự, 2022). Kết quả từ các nghiên cứu đã chỉ ra, những trẻ em này gặp nhiều khó khăn tâm lý như: lòng tự trọng thấp hơn, cảm nhận hạnh phúc chủ quan của trẻ thấp hơn, có nhiều cảm xúc tiêu cực như cảm thấy lo lắng, sợ hãi và bất an... Mặc dù vậy, các nghiên cứu chính thức về thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ em vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát trên trẻ em lứa tuổi vị thành niên sống tại tỉnh Bắc Kạn, nhằm mục đích chỉ ra thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ, so sánh điểm tương đồng và khác biệt về mức độ phụ huynh hóa giữa các nhóm trẻ. Từ đó kết quả của nghiên cứu gợi mở những nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này trong bối cảnh văn hóa Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu cắt ngang được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Khách thể gồm 270 trẻ đang theo học tại một số trường trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong độ tuổi từ 11, 12 tuổi đến 15, 16 tuổi. Một số đặc điểm về khách thể được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Tiêu chí	Nhóm	N	%
Giới tính $\Sigma = 265$	Nam	125	47,2
	Nữ	140	52,8
Lớp $\Sigma = 270$	Lớp 6	54	20,0
	Lớp 7	76	28,1
	Lớp 8	74	27,4
	Lớp 9	66	24,4
Trình độ học vấn của cha $\Sigma = 263$	Tiểu học, trung học cơ sở	90	33,3
	Trung học phổ thông	105	38,9
	Cao đẳng, đại học	68	25,2
Trình độ học vấn của mẹ $\Sigma = 264$	Tiểu học, trung học cơ sở	87	32,2
	Trung học phổ thông	99	36,7
	Cao đẳng, đại học	78	28,9
	Kinh	37	13,7
	Tây	115	42,6
Dân tộc $\Sigma = 270$	Dao	30	11,2
	Nùng	22	8,1
	Mông	60	22,2
	Khác (Hoa, Cao Lan...)	6	2,2
Số anh, chị, em $\Sigma = 270$	Có 1 anh, chị, em	178	65,9
	Có 2 anh, chị, em	45	16,7
	Có 3 anh, chị, em trở lên	47	17,4

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2024. Trước khi tiến hành khảo sát, nội dung của hai thang đo được dịch cẩn thận từ tiếng Anh sang tiếng Việt, đảm bảo tính chính xác về nội dung và phù hợp với văn hóa Việt Nam để các khách thể hiểu và trả lời. Trong quá trình khảo sát, nhóm nghiên cứu có giới thiệu rõ ràng về mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu với Ban Giám hiệu các trường và với học sinh. Quá trình thu thập dữ liệu không ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh tại nhà trường. Các em tham gia trên tinh thần tự nguyện và có thể rút khỏi nghiên cứu bất kỳ lúc nào nếu muốn. Thông tin khách thể được bảo mật và các dữ liệu thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng Bảng kiểm Phụ huynh hóa (*The Parentification Inventory*) của Hooper và cộng sự (2011). Thang đo gồm 22 mệnh đề và chia làm 3 tiểu thang đo:

+ Phụ huynh hóa trong vai trò như cha mẹ (Parent-focused Parentification) (gồm 12 mệnh đề, ví dụ: *Em được mong đợi là người sẽ an ủi cha mẹ khi họ buồn hoặc gặp khó khăn về mặt cảm xúc; Em thường làm việc và đóng góp vào thu nhập cho gia đình*).

+ Phụ huynh hóa trong vai trò chăm sóc anh chị em (Sibling-focused Parentification) (gồm 7 mệnh đề, ví dụ: *Trong gia đình, em là người chủ yếu dạy bảo anh chị em của mình thay cho cha mẹ; Em không có thời gian để vui chơi hoặc học tập vì phải chăm sóc và đảm nhận các trách nhiệm trong gia đình*).

+ Nhận thức về lợi ích của việc trải qua phụ huynh hóa (Perceived Benefits of Parentification) (gồm 3 mệnh đề, ví dụ: *Em cảm thấy được gia đình trân trọng, đánh giá cao những việc em làm trong gia đình; Em cảm thấy gia đình em gắn kết và làm việc rất ăn ý với nhau*).

Các câu trả lời được cho điểm từ 1 điểm - Hoàn toàn không đồng ý đến 5 điểm - Hoàn toàn đồng ý. Điểm trung bình từng khía cạnh càng cao phản ánh mức độ phụ huynh hóa càng cao và ngược lại, điểm trung bình càng thấp phản ánh mức độ phụ huynh hóa càng thấp. Độ tin cậy của toàn thang đo với hệ số Alpha của Cronbach là 0,77 và độ tin cậy của các tiểu thang đo lần lượt là 0,64; 0,69 và 0,64.

Bên cạnh đó, các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu cũng được đưa vào nhằm chỉ ra sự tương đồng và khác biệt về mức độ phụ huynh hóa giữa các nhóm trẻ như: giới tính, dân tộc, trình độ học vấn của cha và mẹ...

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0. Một số phép phân tích thống kê được sử dụng như phân tích độ tin cậy Alpha của Cronbach, tính điểm trung bình (ĐTB), tần suất, độ lệch chuẩn (ĐLC), so sánh kiểm định T-test, và so sánh Anova.

3. Kết quả và bàn luận

Nhìn chung, các khách thể được khảo sát đánh giá nhận thức về lợi ích phụ huynh hóa cao hơn (ĐTB = 3.51; ĐLC = 0.91). Khía cạnh phụ huynh hóa trong vai trò như cha mẹ cao hơn (ĐTB = 2.70, ĐLC = 0.46) khía cạnh phụ huynh hóa trong vai trò chăm sóc anh chị em (ĐTB = 2.47; ĐLC = 0.64).

Bảng 2: Thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ vị thành niên

Các khía cạnh phụ huynh hóa	ĐTB	ĐLC
<i>Phụ huynh hóa trong vai trò như cha mẹ</i>	2,70	0,46
1. Cha mẹ của em thường chia sẻ với em những điều bí mật	2,71	1,07
2. Ở nơi em sống, hầu hết trẻ em đều làm việc ra tiền để đóng góp vào kinh tế của gia đình.	1,84	0,87
3. Em đã giúp bố mẹ đưa ra những quyết định quan trọng.	3,13	0,98
4. Hầu hết bạn bè cùng tuổi với em không phải đảm nhận những vai trò và trách nhiệm gia đình giống như em.	2,46	1,05
5. Em thường làm việc và đóng góp vào thu nhập cho gia đình.	2,26	1,02
6. Em là người đầu tiên mà các thành viên trong gia đình tìm đến để chia sẻ khi họ mâu thuẫn, bất đồng quan điểm.	2,63	1,15
7. Em thường giúp giải quyết các vấn đề mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ.	3,01	1,16
8. Em được mong đợi là người sẽ an ủi cha mẹ khi họ buồn hoặc gặp khó khăn về mặt cảm xúc.	3,70	1,11
9. Em đóng vai trò như là trọng tài để phân xử, hòa giải các thành viên trong gia đình của em.	2,64	0,97
10. Em là người mà các thành viên trong gia đình chia sẻ bí mật của họ với em.	2,80	1,00

11. Em được giao nhiệm vụ đi chợ nhiều nhất trong gia đình.	2,55	1,16
12. Em đóng vai trò truyền tải, diễn đạt lại thông tin cho mọi người trong nhà.	2,62	1,00
<i>Phụ huynh hóa trong vai trò chăm sóc anh chị em</i>	2,47	0,64
13. Em không có thời gian để vui hay buồn vì phải chăm sóc cho các thành viên trong gia đình.	2,16	1,09
14. Em có trách nhiệm đảm bảo, chăm lo cho anh chị em đi ngủ mỗi tối.	2,04	0,97
15. Em không có thời gian để vui chơi hoặc học tập vì phải chăm sóc và đảm nhận các trách nhiệm trong gia đình.	1,88	0,98
16. Em có trách nhiệm giúp anh chị em của mình hoàn thành công việc.	2,65	1,19
17. Trong gia đình, em là người chủ yếu dạy bảo anh chị em của mình thay cho cha mẹ.	2,51	1,20
18. Em được mong đợi là sẽ an ủi anh chị em của mình khi họ buồn hoặc gặp khó khăn về mặt cảm xúc	3,19	1,09
19. Em chịu trách nhiệm làm việc nhà (giặt quần áo, nấu ăn, dọn nhà...) cho gia đình hầu hết các ngày trong tuần.	2,83	1,14
<i>Nhận thức lợi ích của việc phụ huynh hóa</i>	3,51	0,91
20. Em thực sự vui với vai trò mà em đang đảm nhận trong gia đình.	3,29	1,24
21. Em cảm thấy được gia đình trân trọng, đánh giá cao những việc em làm trong gia đình.	3,58	1,16
22. Em cảm thấy gia đình em gắn kết và làm việc rất ăn ý với nhau.	3,64	1,18

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

- *So sánh theo số anh chị em ruột của trẻ:*

Kết quả bảng 3 chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, ở khía cạnh phụ huynh hóa trong vai trò như cha mẹ, nhóm học sinh có 2 anh chị em có điểm trung bình cao hơn nhóm học sinh có 1 anh chị em (với $p < 0.01$). Bên cạnh đó nhóm học sinh có 2 anh chị em và nhóm có 3 anh chị em trở lên có mức độ phụ huynh hóa trong vai trò chăm sóc anh chị em cao hơn nhóm chỉ có 1 anh chị em (với $p < 0.01$).

Bảng 3: Sự khác biệt mức độ phụ huynh hóa theo số lượng anh chị em ruột của trẻ

Các khía cạnh phụ huynh hóa	Số anh chị em ruột của trẻ	ĐTB	ĐLC	F; Post Hoc Test
Trẻ em trong vai trò như cha mẹ	Có 1 người (1)	2,63	0,45	F = 5.381; (2) > (1); p = 0,00
	Có 2 người (2)	2,86	0,47	
	Có 3 người trở lên (3)	2,77	0,45	
Trẻ em trong vai trò chăm sóc anh chị em	Có 1 người (1)	2,36	0,60	F = 7.523; (2) > (1); p = 0,00 (3) > (1); p = 0,00
	Có 2 người (2)	2,70	0,71	
	Có 3 người trở lên (3)	2,64	0,61	
Nhận thức về lợi ích của phụ huynh hóa	Có 1 người (1)	3,51	0,97	F = 0.742; p > 0.05
	Có 2 người (2)	3,62	0,85	
	Có 3 người trở lên (3)	3,39	0,73	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Ghi chú: Mức ý nghĩa $p < 0.01$ và $p < 0.05$.

- *So sánh theo thành phần dân tộc:*

Bảng 4 cho thấy, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở 2 khía cạnh phụ huynh hóa trong vai trò cha mẹ và trong vai trò chăm sóc anh chị em, với $p < 0.05$. Kiểm định sau post hoc cho thấy, nhóm học sinh dân tộc Mông có điểm trung bình cao hơn dân tộc Tày (với $p < 0.01$) ở khía cạnh trong vai trò như cha mẹ. Bên cạnh đó trong vai trò chăm sóc anh chị em, học sinh dân tộc Mông cũng có điểm trung bình cao hơn học sinh dân tộc Tày, dân tộc Kinh, và dân tộc Nùng (với $p < 0.01$ và $p < 0.05$), học sinh là người dân tộc Dao cũng có điểm trung bình cao hơn dân tộc Tày (với $p < 0.05$).

Bảng 4: Sự khác biệt mức độ phụ huynh hóa ở trẻ theo dân tộc

	Dân tộc	ĐTB	ĐLC	F; Post Hoc Test
Trẻ em trong vai trò như cha mẹ	Tày (1)	2,61	0,43	F = 2.582; (5) > (1); $p = 0,00$
	Kinh (2)	2,66	0,46	
	Dao (3)	2,75	0,54	
	Nùng (4)	2,79	0,41	
	Mông (5)	2,82	0,49	
Trẻ em trong vai trò chăm sóc anh chị em	Tày (1)	2,34	0,62	F = 4.964; (3) > (1); $p = 0,04$ (5) > (1); $p = 0,00$ (5) > (2); $p = 0,00$ (5) > (4); $p = 0,04$
	Kinh (2)	2,36	0,58	
	Dao (3)	2,60	0,72	
	Nùng (4)	2,44	0,49	
	Mông (5)	2,75	0,63	
Nhận thức về lợi ích của phụ huynh hóa	Tày (1)	3,52	0,95	F = 0,679; $p > 0,05$
	Kinh (2)	3,43	1,08	
	Dao (3)	3,57	0,83	
	Nùng (4)	3,76	0,85	
	Mông (5)	3,41	0,77	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Ghi chú: Mức ý nghĩa $p < 0,01$ và $p < 0,05$.

- So sánh theo trình độ học vấn của cha và mẹ:

Kết quả chỉ ra, mức độ phụ huynh hóa trong vai trò chăm sóc anh chị em thấp hơn ở những trẻ có cha và mẹ có trình độ học vấn cao hơn (với $p < 0.01$ và $p < 0.05$). Bên cạnh đó, ở những gia đình mà người cha có trình độ học vấn cao hơn, trẻ có mức độ phụ huynh hóa trong vai trò như cha mẹ thấp hơn, nhưng ngược lại điểm số nhận thức về lợi ích của phụ huynh hóa lại cao hơn (với $p < 0.05$).

Bảng 5: Sự khác biệt mức độ phụ huynh hóa ở trẻ em theo trình độ học vấn của cha và mẹ

Trình độ học vấn		Trẻ em trong vai trò như cha mẹ	Trẻ em trong vai trò chăm sóc anh chị em	Nhận thức về lợi ích của phụ huynh hóa
		ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)	ĐTB (ĐLC)
Cha	Tiểu học, THCS (1)	2,77 (0,49)	2,59 (0,60)	3,40 (0,82)
	THPT (2)	2,68 (0,48)	2,46 (0,67)	3,44 (0,90)
	Cao đẳng, đại học (3)	2,61 (0,40)	2,31 (0,61)	3,75 (1,00)

	F; Post Hoc Test	F = 2.106; (1) > (3), p = 0,04	F = 3.579; (1) > (3), p = 0.00	F = 3.432; (3) > (1), p = 0,02 (3) > (2), p = 0,01
Mẹ	Tiểu học, THCS (1)	2,73 (0,51)	2,61 (0,63)	3,43 (0,86)
	THPT (2)	2,73 (0,46)	2,49 (0,61)	3,43 (0,90)
	Cao đẳng, đại học (3)	2,61 (0,41)	2,28 (0,65)	3,67 (0,97)
	F; Post Hoc Test	F = 1.876; p > 0.05	F = 5.667; (1) > (3), p = 0,00 (2) > (3); p = 0,03	F = 1.865; p > 0,05

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Ghi chú: Mức ý nghĩa $p < 0,01$ và $p < 0,05$.

Từ các kết quả nghiên cứu trên cho phép đưa ra một số bàn luận như sau:

Thứ nhất, trong nghiên cứu của chúng tôi, hai khía cạnh phụ huynh hóa trong vai trò làm cha mẹ và trong vai trò chăm sóc anh chị có điểm trung bình thấp hơn khía cạnh nhận thức của trẻ về lợi ích của phụ huynh hóa. Ngược lại, trong một nghiên cứu cùng sử dụng thang đo trên nhóm trẻ vị thành niên ở Ba Lan (Borchet và cộng sự, 2016) cho thấy, điểm trung bình của khía cạnh nhận thức về lợi ích của phụ huynh hóa lại thấp hơn. Kết quả này có thể được lý giải bởi sự khác biệt về văn hóa và vị thế kinh tế xã hội. Dưới góc độ văn hóa Việt Nam, việc trẻ em tham gia vào các công việc giúp đỡ cha mẹ, chăm sóc anh chị em được cho là quan niệm truyền thống về vai trò và trách nhiệm của trẻ em trong gia đình. Tuy nhiên, hai khía cạnh phụ huynh hóa trong nghiên cứu của chúng tôi có điểm trung bình cao hơn, có thể được lý giải bởi các nghiên cứu trước đã chỉ ra, điều kiện và chất lượng cuộc sống của gia đình thấp có thể khiến trẻ em phải trải qua phụ huynh hóa từ sớm, điều kiện gia đình khó khăn khiến trẻ phải làm nhiều việc, và đánh đổi bằng việc học hành (Burton, 2007, Borchet và cộng sự, 2021). Khách thể được khảo sát chiếm tỷ lệ lớn là học sinh dân tộc thiểu số như Tày (42,6%), Mông (22,2%), Dao (11,2%)... và địa bàn sinh sống là miền núi cao, giao thông khó khăn... là những trở ngại không nhỏ khiến cho việc tiếp cận giáo dục và y tế của người dân gặp hạn chế. Bên cạnh đó, điều kiện cuộc sống của gia đình các em còn nhiều khó khăn, vì vậy, trẻ em sớm phải tham gia vào làm các công việc để giúp đỡ cha mẹ. Vì vậy, đây cũng là lý do mà học sinh dân tộc Mông trải qua mức độ phụ huynh hóa cao hơn các nhóm học sinh khác.

Thứ hai, số lượng anh chị em trong gia đình có thể ảnh hưởng đến sự phân chia trách nhiệm và vai trò của từng trẻ trong gia đình. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra, mức độ phụ huynh hóa ở khía cạnh chăm sóc anh chị em cao hơn ở những trẻ có 2 và 3 anh chị em trở lên. Ở khía cạnh tích cực, áp lực phụ huynh hóa có thể được phân chia đồng đều giữa các anh chị em, điều này có thể giảm mức độ phụ huynh hóa ở từng trẻ, đồng thời có thể làm tăng sự phối hợp, san sẻ giữa anh chị em trong gia đình. Bên cạnh đó, các nghiên cứu đi trước chỉ ra, trẻ thực hiện trách nhiệm chăm sóc anh chị em ruột được coi là chuẩn mực, là một đóng góp quan trọng cho sự bền vững của gia đình và là sự chuẩn bị cần thiết cho cuộc sống trưởng thành trong tương lai của trẻ (Valenzuela, 1999). Tuy nhiên nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trẻ em trong các gia đình đông con thường có nguy cơ trải qua mức độ phụ huynh hóa cao hơn. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có thể được lý giải bởi, trong các gia đình có nhiều anh chị em, cha mẹ thường gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý và đáp ứng tất cả các nhu cầu của con cái cùng một lúc, từ chăm sóc đến giáo dục. Do đó, trẻ là anh chị lớn thường được giao nhiệm vụ chăm sóc các em nhỏ hơn. Điều này dẫn đến việc những trẻ

lớn phải thay cha mẹ chăm sóc em, quản lý công việc nhà, hoặc đảm nhận trách nhiệm giáo dục (Jurkovic, 1997). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với nghiên cứu trước của Burton (2007) chỉ ra rằng phụ huynh hóa trong gia đình đông con thường gắn liền với yếu tố kinh tế, điều này không chỉ ảnh hưởng đến tuổi thơ của trẻ mà còn làm giảm cơ hội học tập và phát triển cá nhân của chúng.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra trình độ học vấn của cha và mẹ có thể giải thích sự khác biệt về mức độ phụ huynh hóa ở trẻ em. Cụ thể, khi cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn thì trẻ có xu hướng trải qua phụ huynh hóa ở mức độ thấp hơn, ngược lại, những cha mẹ có trình độ học vấn thấp hơn thì trẻ có mức độ phụ huynh hóa cao hơn. Các nghiên cứu trước đã chỉ ra, trình độ học vấn của cha mẹ càng cao có mối quan hệ tích cực với gia tăng khả năng làm cha mẹ và chất lượng hôn nhân (Oreopoulos và Salvanes, 2011), cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn sẽ thúc đẩy sức khỏe tâm lý của thanh thiếu niên thông qua các phong cách giáo dục con tích cực và phù hợp hơn, điều này có lợi đối với sức khỏe tâm thần ở trẻ (Carr và Pike, 2012). Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của chúng tôi có thể được giải thích bởi khi cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn thì có cơ hội việc làm tốt hơn, theo đó, khả năng thu nhập cũng cao và ổn định hơn so với nhóm cha mẹ có trình độ học vấn thấp hơn. Đồng thời, những người có học vấn cao hơn thì cũng có các mối quan hệ xã hội tốt hơn để có thể hỗ trợ khi cần thiết. Trong khi đó, nghiên cứu này có tới 33.3% cha mẹ có học vấn tiểu học và THCS, và 38.9% cha mẹ có trình độ học vấn trung học phổ thông (THPT), do đó, cơ hội việc làm của nhóm cha mẹ này sẽ hạn chế hơn, tính chất công việc cũng sẽ bị động, nên trẻ phải thay cha mẹ gánh vác các công việc gia đình nhiều hơn. Bên cạnh đó, thời gian dành cho con cái cũng hạn chế hơn, nên trẻ ít nhận được sự chia sẻ cả về công việc và tâm lý từ cha mẹ.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu bước đầu tìm hiểu thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa các nhóm trẻ về mức độ phụ huynh hóa. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, với trẻ em ở vùng kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn, việc trải qua phụ huynh hóa là điều không tránh khỏi, tuy nhiên điều này có thể ảnh hưởng đến tuổi thơ và sự phát triển tâm lý của trẻ. Do đó, nhà trường cần hướng dẫn trẻ các kỹ năng về tự chăm sóc cũng như kỹ năng nhận diện và biểu đạt cảm xúc giúp, giúp các em vượt qua được các cảm xúc tiêu cực khi đảm nhận vai trò chăm sóc người khác. Bên cạnh đó, cần tăng cường vai trò của phòng tâm lý học đường tại các trường học. Khi cha mẹ không thể đáp ứng vai trò cảm xúc đầy đủ, việc trẻ em được tiếp cận với những người lớn đáng tin cậy khác như thầy cô, chuyên viên tâm lý học đường... giúp trẻ có điểm tựa an toàn để phát triển.

Từ kết quả thu được cũng gợi mở cho các hướng nghiên cứu tiếp theo, đó là cần chỉ ra mối quan hệ giữa mức độ phụ huynh hóa ở trẻ em và các vấn đề sức khỏe tâm thần, cảm nhận hạnh phúc ở trẻ... như các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra. Đồng thời, nghiên cứu cần được thực hiện ở nhiều địa bàn trên cả nước để chỉ ra bức tranh chung về thực trạng phụ huynh hóa ở trẻ em Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Borchet, J., Lewandowska-Walter, A., & Rostowska, T. (2016). Parentification in late adolescence and selected features of the family system. *Health Psychology Report*. 4(2), 116-127. doi: 10.5114/hpr.2016.55921
- Borchet, J., Hooper, L. M., Tomek, S., Schneider, W. S., & Dębski, M. (2021). Parentification in Polish Adolescents: a Prevalence Study. *Journal of child & adolescent trauma*. 15(3), 567-583. <https://doi.org/10.1007/s40653-021-00411-8>

- Boszormenyi-Nagy, I., & Spark, G. M. (1973). *Invisible Loyalties: Reciprocity in Intergenerational Family Therapy*. Harper & Row, Inc.
- Burton, L. (2007). Childhood adultification in economically disadvantaged families: A conceptual model. *Family Relations: An Interdisciplinary Journal of Applied Family Studies*. 56(4), 329-345. <https://doi.org/10.1111/j.1741-3729.2007.00463.x>
- Byng-Hall, J. (2002). Relieving parentified children's burdens in families with insecure attachment patterns. *Family Process*. 41(3), 375-388. <https://doi.org/10.1111/j.1545-5300.2002.41307.x>
- Byng-Hall, J. (2008). The significance of children fulfilling parental roles: Implications for family therapy. *Journal of Family Therapy*. 30(2), 147-162. <https://doi.org/10.1111/j.1467-6427.2008.00423.x>
- Carr, A., & Pike, A. (2012). Maternal scaffolding behavior. *Developmental Psychology*. 48(2), 543-551. <https://doi.org/10.1037/a0025888>
- Chee, L. P., Goh, E. C. L., & Kuczynski, L. (2014). Oversized loads: Child parentification in low-income families and underlying parent-child dynamics. *Families in Society: The Journal of Contemporary Social Services*. 95(3), 204-212. <https://doi.org/10.1606/1044-3894.2014.95.26>
- Chen, C. Y., & Panebianco, A. (2020). Physical and psychological conditions of parental chronic illness, parentification and adolescent psychological adjustment. *Psychology & health*. 35(9), 1075-1094. <https://doi.org/10.1080/08870446.2019.1699091>
- Foster, S. L., & Hunsley, J. (2008). Defining and understanding parentification: Implications for all counselors. *Journal of Counseling & Development*. 86(3), 289-295. <https://doi.org/10.1002/j.1556-6678.2008.tb00499.x>
- Garber, B. D. (2011). Parental alienation and the dynamics of the enmeshed parent-child dyad: Adultification, parentification, and infantilization. *Family Court Review*. 49(2), 322-335. <https://doi.org/10.1111/j.1744-1617.2011.01374.x>
- Hooper, L., Doehler, K., Wallace, S., & Hannah, N. (2011). The Parentification Inventory: Development, Validation, and Cross-Validation. *The American Journal of Family Therapy*. 39(3), 226-241. doi:10.1080/01926187.2010.531652
- Hooper, L. M. (2007). Expanding the discussion regarding parentification and its varied outcomes: Implications for mental health research and practice. *Journal of Mental Health Counseling*. 29(4), 322-337. <https://doi.org/10.17744/mehc.29.4.48511m0tk22054j5>
- Jurkovic, G.J. (1997). *Lost Childhoods: The Plight Of The Parentified Child* (1st ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315825762>
- Macfie, J., McElwain, N. L., Houts, R. M., & Cox, M. J. (2005). Intergenerational transmission of role reversal between parent and child: dyadic and family systems internal working models. *Attachment & human development*. 7(1), 51-65. <https://doi.org/10.1080/14616730.500039663>
- Nguyễn Tuấn Anh. (2021). *Xã hội học: về biến đổi khí hậu*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Lược. (2017). Vấn đề hành vi ở trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. *Tạp chí Tâm lý học xã hội*. số 5/2017.
- Oreopoulos, P., & Salvanes, K. G. (2011). Priceless: The nonpecuniary benefits of schooling. *Journal of Economic perspectives*. 25(1), 159-184.
- Trần Thị Minh Thi. (2015). Cuộc sống của trẻ em ở lại thôn quê Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 4.
- Trương Quang Lâm, Nguyễn Văn Lược, Trương Thị Khánh Hà. (2022). Ảnh hưởng của hỗ trợ xã hội đến cảm xúc của trẻ có cha mẹ đi làm ăn xa. *Tạp chí Tâm lý học*. Số 2.
- Schier, K., Herke, M., Nickel, R., Egle, U. T., & Hardt, J. (2014). Long-Term Sequelae of Emotional Parentification: A Cross-Validation Study Using Sequences of Regressions. *Journal of Child and Family Studies*. 24(5), 1307-1321. doi:10.1007/s10826-014-9938-z
- Valenzuela, A. (1999). Gender roles and settlement activities among children and their immigrant families. *American Behavioral Scientist*. 42, 720-742.
- Wei, H.-S., Shih, A.-T., Chen, Y.-F., & Hong, J. S. (2020). The impact of adolescent parentification on family relationship and civic engagement. *Journal of Social Work*, 146801732095524. doi:10.1177/1468017320955249